

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Mạnh Tiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2011)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2011)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên thay thế (ủy nhiệm thay thế ngày 16 tháng 02 năm 2012)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên thay thế (ủy nhiệm thay thế ngày 16 tháng 02 năm 2012)
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên
Ông Vũ Việt Linh	Thành viên thay thế (ủy nhiệm thay thế ngày 16 tháng 02 năm 2012)
Ông Lê Quý Hòa	Thành viên
Ông Vương Dũng Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2011)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2012)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2012)
Ông Phạm Hồng Chân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Dũng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Quang Huy**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2012



Số: 1375 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế trong phạm vi kiểm toán như được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- (i) Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế tại ngày thực hiện kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản tiền mặt tồn quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với số dư tiền mặt tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 1.109.123.333 VND và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không chi tiết công nợ theo đối tượng và không thực hiện đối chiếu công nợ phải thu khác đối với các đối tượng Trung tâm taxi (lái xe nợ ứng, nợ lệnh), khách lẻ, trung tâm dịch vụ kỹ thuật vận tải dầu khí, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (tiền thù lao Hội đồng Quản trị từ năm 2008 đến năm 2010), trung tâm taxi (cước vận chuyển taxi), trung tâm taxi (thu thế chấp lái xe), lái xe nợ lệnh chi nhánh Nam Định với tổng giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.482.726.413 VND. Do bản chất của việc hạch toán kế toán và theo dõi công nợ phải thu khác, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

### Hạn chế trong phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không thực hiện đối chiếu công nợ phải trả đối với khoản đặt cọc của các lái xe và khoản phải thu khác đối với các đối tượng Lái xe taxi – (nợ ứng, nợ lệnh) với tổng số tiền trên sổ kế toán tương ứng là 3.156.197.308 VND và 2.744.598.370 VND. Do bản chất của việc hạch toán kế toán, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với khoản phải thu, phải trả nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iv) Trong năm 2011, hàng tồn kho mua về thực nhập chưa được lập phiếu nhập kho kịp thời. Theo đó, số dư hàng tồn kho tính đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 thực tế đang âm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đang tạm hạch toán tăng giá trị hàng nhập mua và công nợ phải trả cho “Đối tượng khác” với số tiền 753.897.504 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán đối với khoản phải trả nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (v) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư phải thu lái xe bồn do làm hao hụt LPG trong quá trình vận chuyển đang được phản ánh trên sổ kế toán với số tiền là 674.093.772 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với khoản phải thu nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (vi) Chúng tôi không thu thập được bảng tổng hợp và phân bổ Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 57.140.369 VND và 3.729.186.696 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn phản ánh trên sổ kế toán đồng thời chúng tôi cũng không đánh giá được tổng chi phí phân bổ Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền khoảng 2.163.888.334 VND. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với số dư các khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (vii) Trong năm 2011, tổng doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán đang cao hơn doanh thu xuất hóa đơn và kê khai thuế Giá trị gia tăng với số tiền là 916.946.525 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính đầy đủ của số dư thuế giá trị gia tăng phản ánh ở khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các khoản phạt (nếu có) do việc kê khai thiếu này.
- (viii) Trong năm, chi phí khác bao gồm 598.951.255 VND và thu nhập khác bao gồm 875.443.216 VND, là giá trị bù trừ của các điều chỉnh sai sót của những năm trước. Do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá tính đúng đắn của toàn bộ các bút toán điều chỉnh này, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và tính chính xác của các điều chỉnh này. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với các điều chỉnh này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Ý kiến

Ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

*Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính như sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 671.818.182 VND là giá trị hàng tồn kho thiếu chờ xử lý. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể thu hồi được khoản hàng tồn kho thiếu này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm khoảng 2 tỷ đồng là số tiền thuế truy thu, phạt nộp chậm theo Biên bản quyết toán thuế năm 2012 cho giai đoạn hoạt động từ năm 2007 đến hết năm 2010 của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 39.100.157.999 VND (31/12/2010: 55.044.354.200 VND), Công ty phát sinh lỗ trong năm 2011, các yếu tố này dẫn đến sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục nhận được hỗ trợ từ các cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty tiếp tục được hưởng lãi suất hỗ trợ là 3%/năm trong năm 2012 và tiếp tục được gia hạn khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



**Hoàng Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 18 tháng 4 năm 2012*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>75.839.806.600</b>	<b>79.779.607.472</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>38.760.212.393</b>	<b>31.261.432.552</b>
1. Tiền	111		21.058.151.379	5.261.432.552
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.702.061.014	26.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.609.284.904</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	1.609.284.904
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.665.788.062</b>	<b>41.341.673.910</b>
1. Phải thu khách hàng	131		27.042.456.245	37.015.011.946
2. Trả trước cho người bán	132		355.371.476	358.162.343
3. Các khoản phải thu khác	135		6.117.686.754	3.968.499.621
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(849.726.413)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>657.959.516</b>	<b>3.024.092.276</b>
1. Hàng tồn kho	141		657.959.516	3.024.092.276
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.755.846.629</b>	<b>2.543.123.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		57.140.369	2.278.095.768
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>8</b>	1.698.706.260	265.028.062
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133.507.913.930</b>	<b>157.366.288.533</b>
(200 = 220+260)				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>129.778.727.234</b>	<b>150.463.824.731</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	129.773.310.572	141.627.203.347
- Nguyên giá	222		185.915.444.456	176.873.821.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.142.133.884)	(35.246.618.080)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.416.662	11.916.666
- Nguyên giá	228		25.000.000	25.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.583.338)	(13.083.334)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	-	8.824.704.718
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.729.186.696</b>	<b>6.902.463.802</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	3.729.186.696	6.902.463.802
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>209.347.720.530</b>	<b>237.145.896.005</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>116.627.144.599</b>	<b>136.592.012.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.939.964.599</b>	<b>134.823.961.672</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	77.104.726.949	103.651.278.220
2. Phải trả người bán	312		25.226.722.683	21.994.666.830
3. Người mua trả tiền trước	313		82.765.554	182.168.508
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.275.106.511	2.127.328.781
5. Phải trả người lao động	315		2.505.053.388	3.324.749.742
6. Chi phí phải trả	316		1.647.111.379	914.762.924
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.098.478.135	2.629.006.667
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.687.180.000</b>	<b>1.768.050.949</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		73.180.000	73.180.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	-	851.670.949
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.614.000.000	843.200.000
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>92.720.575.931</b>	<b>100.553.883.384</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>92.720.575.931</b>	<b>100.553.883.384</b>
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.279.424.069)	553.883.384
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>209.347.720.530</b>	<b>237.145.896.005</b>



Nguyễn Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Quang Đẩu  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	333.721.862.713	250.340.461.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		333.721.862.713	250.340.461.423
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		333.238.137.356	241.228.910.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		483.725.357	9.111.551.138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.220.420.318	2.220.434.864
7. Chi phí tài chính	22		3.407.986.104	4.949.423.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.407.986.104	4.949.423.496
8. Chi phí bán hàng	24		579.143.139	833.455.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.914.640.159	7.264.547.922
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(8.197.623.727)	(1.715.440.689)
11. Thu nhập khác	31		3.159.737.899	2.167.873.993
12. Chi phí khác	32	18	2.795.421.625	104.946.300
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		364.316.274	2.062.927.693
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.833.307.453)	347.487.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	86.871.751
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(7.833.307.453)	260.615.253
17. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	(783)	26



Nguyễn Quang Huy  
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Quang Đầu  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(7.833.307.453)	347.487.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:		20.281.256.837	20.532.713.655
Khấu hao tài sản cố định	02	21.093.691.051	17.803.725.023
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.220.420.318)	(2.220.434.864)
Chi phí lãi vay	06	3.407.986.104	4.949.423.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.447.949.384	20.880.200.659
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	7.242.207.650	(3.872.729.250)
Giảm hàng tồn kho	10	2.366.132.760	3.725.708.734
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.448.848.604	(1.244.259.279)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	5.394.232.505	(3.031.474.289)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.407.986.104)	(4.949.423.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.491.384.799	11.508.023.079
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(424.087.960)	(4.629.895.416)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(390.715.096)	(32.864.685)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	12.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.220.420.318	2.220.434.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.405.617.262	9.557.674.763
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	4.927.136.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.398.222.220)	(825.222.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.398.222.220)	4.101.913.780
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.498.779.841	25.167.611.622
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.261.432.552	6.093.820.930
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.760.212.393	31.261.432.552



Nguyễn Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Quang Đẩu  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 544 (31 tháng 12 năm 2010: 512).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 39.100.157.999 VND (31/12/2010: 55.044.354.200 VND) và phát sinh lỗ trong năm, các yếu tố này gây nên sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục nhận được hỗ trợ từ các cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty tiếp tục được hưởng lãi suất hỗ trợ là 3%/năm đến ngày 18/6/2012 và tiếp tục được gia hạn khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 19.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư ngắn hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản khác	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.109.123.333	323.221.675
Tiền gửi ngân hàng	19.949.028.046	4.938.210.877
Các khoản tương đương tiền	17.702.061.014	26.000.000.000
	<u><b>38.760.212.393</b></u>	<u><b>31.261.432.552</b></u>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí toàn cầu - Chi nhánh Ba Đình, lãi suất là 14%/năm.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên vật liệu	460.192.169	735.431.477
Công cụ, dụng cụ	97.546.175	157.840.586
Chi phí sản xuất dở dang	-	53.802.000
Hàng hoá	100.221.172	2.077.018.213
	<u><b>657.959.516</b></u>	<u><b>3.024.092.276</b></u>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (i)	671.818.182	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.026.888.078	265.028.062
	<u><b>1.698.706.260</b></u>	<u><b>265.028.062</b></u>

(i) Là giá trị ghi sổ của số lốp xe bồn loại 1100-20 Hero và 1100R20 Bridgestone kiểm kê thiếu so với sổ sách tại ngày 31/12/2011.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	2.476.534.054	174.060.098.414	214.936.119	122.252.840	176.873.821.427
Tăng trong năm	-	-	57.095.455	-	57.095.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.621.275.727	7.558.077.996	-	-	9.179.353.723
Tăng khác	12.343.500	-	-	-	12.343.500
Phân loại lại	-	(192.901.212)	192.901.212	-	-
Giảm khác	(167.395.720)	-	-	(39.773.929)	(207.169.649)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3.942.757.561</b>	<b>181.425.275.198</b>	<b>464.932.786</b>	<b>82.478.911</b>	<b>185.915.444.456</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	1.106.693.183	33.972.340.180	116.547.459	51.037.258	35.246.618.080
Khấu hao trong năm	552.072.372	20.384.851.729	130.658.713	19.608.233	21.087.191.047
Phân loại lại	(77.826.603)	106.923.062	(29.096.459)	-	-
Giảm khác	-	(151.901.314)	-	(39.773.929)	(191.675.243)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>1.580.938.952</b>	<b>54.312.213.657</b>	<b>218.109.713</b>	<b>30.871.562</b>	<b>56.142.133.884</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2011	<b>2.361.818.609</b>	<b>127.113.061.541</b>	<b>246.823.073</b>	<b>51.607.349</b>	<b>129.773.310.572</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>1.369.840.871</b>	<b>140.087.758.234</b>	<b>98.388.660</b>	<b>71.215.582</b>	<b>141.627.203.347</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 105.052.460.766 VND (31 tháng 12 năm 2010: 118.957.095.155 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 12 và 13).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	8.824.704.718	51.771.675.915
Tăng	639.457.545	6.776.347.643
Kết chuyển sang tài sản cố định	(9.179.353.723)	(48.469.447.790)
Giảm khác	(284.808.540)	(1.253.871.050)
	<b>-</b>	<b>8.824.704.718</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	6.902.463.802	5.013.120.604
Tăng	1.740.428.950	4.268.689.997
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.913.706.056)	(2.379.346.799)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>3.729.186.696</b>	<b>6.902.463.802</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	76.253.056.000	102.826.056.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	851.670.949	825.222.220
	<u>77.104.726.949</u>	<u>103.651.278.220</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 VND để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 9) và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2011 với mức lãi suất được hỗ trợ trong giai đoạn này là 3%/năm. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa có phụ lục gia hạn của hợp đồng vay nói trên, Công ty đang ghi nhận chi phí lãi vay phải trả cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo thông báo lãi hàng tháng của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

**13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn cầu theo Hợp đồng tín dụng số 0195/HĐTD-GPBHO/07 ngày 28 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 3.713.500.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 6 tháng đầu tiên là 1,01%/tháng và điều chỉnh 6 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 2,88%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, gốc vay được hoàn trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 9).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	851.670.949	825.222.220
Trong năm thứ hai	-	825.222.220
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	26.448.729
	<u>851.670.949</u>	<u>1.676.893.169</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	851.670.949	825.222.220
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>-</u>	<u>851.670.949</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	100.000.000.000	293.268.131	100.293.268.131
Lợi nhuận trong năm	-	260.615.253	260.615.253
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>553.883.384</b>	<b>100.553.883.384</b>
Lỗ trong năm	-	(7.833.307.453)	(7.833.307.453)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(7.279.424.069)</b>	<b>92.720.575.931</b>

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67%	38.670.000.000	38.670.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.002.000.000	10.002.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông khác	11.330.000.000	11,33%	11.328.000.000	11.328.000.000
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	240.716.373.734	175.285.054.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.005.488.979	75.055.406.725
	<b>333.721.862.713</b>	<b>250.340.461.423</b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(7.833.307.453)	347.487.004
Thu nhập chịu thuế	<b>(7.833.307.453)</b>	<b>347.487.004</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	<b>86.871.751</b>

**17. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(7.833.307.453)	260.615.253
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<b>(783)</b>	<b>26</b>

**18. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế bị truy thu do nộp thiếu, nộp chậm (*)	2.010.351.543	-
Các điều chỉnh do phát hiện sai sót năm trước (**)	598.951.255	-
Khác	186.118.827	104.946.300
	<b>2.795.421.625</b>	<b>104.946.300</b>

(\*) Đây là số tiền thuế truy thu, phạt nộp chậm theo Biên bản quyết toán thuế năm 2012 cho giai đoạn hoạt động từ năm 2007 đến hết năm 2010 của Công ty.

(\*\*) Trong năm 2011, Công ty đã điều chỉnh các sai sót của các năm trước vào chi phí khác với tổng giá trị sau khi bù trừ là khoảng 600 triệu đồng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp trừ lỗ lũy kế).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.760.212.393	31.261.432.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.160.142.999	40.983.511.567
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	1.609.284.904
<b>Cộng</b>	<b>73.920.355.392</b>	<b>73.854.229.023</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	77.104.726.949	104.502.949.169
Phải trả người bán và phải trả khác	31.399.982.525	24.406.158.312
Chi phí phải trả	1.647.111.379	914.762.924
<b>Cộng</b>	<b>110.151.820.853</b>	<b>129.823.870.405</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	31.399.982.525	-	31.399.982.525
Chi phí phải trả	1.647.111.379	-	1.647.111.379
Các khoản vay	77.104.726.949	-	77.104.726.949
<b>Cộng</b>	<b>110.151.820.853</b>	<b>-</b>	<b>110.151.820.853</b>
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24.406.158.312	-	24.406.158.312
Chi phí phải trả	914.762.924	-	914.762.924
Các khoản vay	103.651.278.220	851.670.949	104.502.949.169
<b>Cộng</b>	<b>128.972.199.456</b>	<b>851.670.949</b>	<b>129.823.870.405</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.760.212.393	-	38.760.212.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.160.142.999	-	33.160.142.999
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>73.920.355.392</b>	<b>-</b>	<b>73.920.355.392</b>
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.261.432.552	-	31.261.432.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.983.511.567	-	40.983.511.567
Đầu tư ngắn hạn	1.609.284.904	-	1.609.284.904
<b>Cộng</b>	<b>73.854.229.023</b>	<b>-</b>	<b>73.854.229.023</b>

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.629.616.821	1.025.225.567

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	3.268.265.556	592.800.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.669.868.320	26.000.000
	<b>7.938.133.876</b>	<b>618.800.000</b>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	4.985.462.685	12.825.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	13.319.593	126.777.648
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	1.114.843.355	-
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	13.638.314.219	6.381.616.874
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	11.867.671.439	409.903.162
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.771.932.823	2.318.554.581
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	765.631.044	520.011.800
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	2.950.000
<b>Lãi vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.808.226.577	4.671.281.543
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	310.360.194	278.141.953

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	953.834.586	801.600.277



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Phòng 1902, tầng 19, 27 Huỳnh Thúc Kháng  
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:


	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.414.023.654	14.363.336.900
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	895.454.567	1.093.261.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	-	1.069.450.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	319.474.670	237.524.315
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	157.790.950	158.400.000
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	882.684.796	113.875.200
<b>Phải trả</b>		
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	138.507.200	2.318.554.581
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	793.169.085	870.643.946
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	2.416.765.045	683.610.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	675.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	130.626.650	129.066.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	2.950.000
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	851.670.949	1.676.893.169
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	76.253.056.000	102.826.056.000

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Nguyễn Quang Huy  
 Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Quang Đầu  
 Kế toán trưởng

Ngày 18 tháng 4 năm 2012